

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23/09/2019

Về việc “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Ngọc Đan; Ông Lê Đình Hưng

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Sâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/09/2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/05/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/08/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
 - *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1973, Có mặt
- Cùng địa chỉ: Làng G, xã IaK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/04/2019, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C có trải qua thời gian yêu thương, tìm hiểu khoảng 01 năm sau đó tự nguyện kết hôn, được UBND xã Đ, Huyện T, TP Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/05/2011.

Sau khi kết hôn, chị và anh C sống hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên chửi bới và đánh đập chị nhưng vì con chung còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng mong anh C thay đổi tính nết để vợ chồng chung sống làm ăn nuôi con. Nhưng đến đầu năm 2019, thì mâu thuẫn giữa chị và anh C thực sự trầm trọng không thể hàn gắn, chị và anh C đã sống ly thân nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung và nuôi con: Chị và anh C có 01 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 05/11/2013. Chị xin được nuôi cháu Đ và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Đ 2.000.000đ/tháng, thời gian tính từ tháng 08/2019 cho đến khi cháu Đ thành niên có khả năng lao động và tự lập được.

- Về tài sản chung, nợ chung : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 07/08/2019 và ngày 17/09/2019. Theo nội dung đơn, chị L đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin được ly hôn với anh C.

-Về con chung: Chị L xin được nuôi cháu Đ sinh ngày 05/11/2013

- Về nuôi con chung: Chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí : Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

2/Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn C đã từ chối không nhận các văn bản tố tụng, tài liệu chứng cứ do Tòa án tổng đạt. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã tiến hành niêm yết công khai những tài liệu, chứng cứ sau: Thông báo thụ lý vụ án; Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo về phiên hòa giải. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến trước khi mở phiên tòa, anh C đều không đến Tòa án tham gia tố tụng, do đó trong hồ sơ không có lời khai, ý kiến trình bày của anh C.

Tại phiên tòa ngày 23/09/2019, anh Nguyễn Văn C có mặt và nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị Trần Thị L và nhất trí với ý kiến của chị L về việc nuôi con chung, tài sản chung và người phải chịu án phí giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

1/Về tố tụng: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C là quan hệ vợ chồng. Do cuộc sống chung không thực sự hạnh phúc, chị L có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh C. Yêu cầu của chị L được Tòa án xác định là quan hệ “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung ” và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đúng Pháp luật qui định. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi HĐXX vào nghị án đều được thực hiện đảm bảo đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì

2/ Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C là tự nguyện và hợp pháp. Quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được, chị L xin ly hôn anh C cũng nhất trí. Do chị L có đơn xin xét xử vắng

mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 55 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C là có căn cứ

-Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh C có 01 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 05/11/2013. Chị L xin được nuôi cháu Đ và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

-Về án phí: Chị L xin chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

(Có bài phát biểu của Kiểm sát viên kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C là quan hệ vợ chồng. Sau khi kết hôn, Chị L và anh C sinh sống tại Làng Gà, xã IaK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể tiếp tục sống chung nên chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh C. Yêu cầu của chị L được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/05/2011, tại UBND xã Đ, Huyện T, TP Hải Phòng. Do đó hôn nhân của chị L và anh C là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp.

Trong quá trình sống chung, giữa chị L và anh C có nhiều mâu thuẫn, bất đồng xuất phát từ việc nuôi dạy, chăm sóc con riêng của anh C, anh C thường xuyên chửi bới, đánh đập chị L dẫn đến chị L và anh C đã sống ly thân từ đầu năm 2019. Nhận thấy việc anh C chửi bới, đánh đập chị L là hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L làm đơn xin ly với anh C và cũng được anh C đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn. Yêu cầu xin được ly hôn của chị L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 55 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C là phù hợp.

-Về con chung: Chị L và anh C công nhận có 01 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 05/11/2013. Theo nguyện vọng của chị L, anh C nhất trí giao cháu Đ cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung và được anh C đồng ý là ý kiến hoàn toàn tự nguyện của chị L và anh C, không trái điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 55 của Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 264, 266, 267, 269, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 27/2011; Quyền số 01/2011 ngày 06/05/2011 của UBND xã Đ , Huyện T , TP Hải Phòng cấp cho chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn C không còn giá trị pháp lý.

2/Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 05/11/2013 cho chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo qui định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Nguyễn Minh Đ. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3/Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết

4/Về án phí: Chị Trần Thị L tự nguyện toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) để sung ngân

sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền 0002346 ngày 16 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị đơn (anh Nguyễn Văn C) có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/09/2019). Nguyên đơn (chị Trần Thị L) vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản sao Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- THADS ;
- UBND nơi DS ĐKKH
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ KIM THOA